

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 68/2026/HS-ST
Ngày 09/9/2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Vĩnh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thiệu Quang An.

Ông Nguyễn Ngọc Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2026/TLST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2026/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2026, đối với bị cáo:

Hoàng Thị H, sinh ngày 15/6/1989; giới tính: Nữ; nơi cư trú: **thôn G, xã C, tỉnh Quảng Trị**; số căn cước công dân 045189007610 cấp ngày 25/6/2021; nghề nghiệp: Chế biến thủy hải sản; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: **H**; con bà **Trần Thị H1**; chồng: **Trương Văn S**; có 02 con, sinh năm 2015 và 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

1. Bị hại: Ông **Lê Văn Đ**, sinh năm 1969, trú tại **thôn L, xã C, tỉnh Quảng Trị** - đã chết.

2. Người đại diện hợp pháp của bị hại:

2.1. Bà **Lê Thị H2**, sinh năm: 1972; địa chỉ: **Thôn L, xã C, tỉnh Quảng Trị**;

2.2. Bà **Lê Thị H3**, sinh năm: 1996; địa chỉ: **Thôn L, xã C, tỉnh Quảng Trị** do bà **Lê Thị H2** là người giám hộ.

2.3. Bà **Lê Thị Y**, sinh năm: 1994; địa chỉ: **Tổ F, phường L, thành phố Đà Nẵng**;

2.4. Anh **Lê Văn T**, sinh năm: 2003; **Thôn L, xã C, tỉnh Quảng Trị**;

Do ông **Lê Anh T1**, sinh năm: 1981; địa chỉ: **Thôn L, xã C, tỉnh Quảng Trị** làm người đại diện theo uỷ quyền (theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 05/2/2026). Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Trương Văn S**; sinh năm: 1985; địa chỉ: **Thôn G, xã C, tỉnh Quảng Trị**. Vắng mặt.

3.2. Bà **Lê Thị Y**, sinh năm: 1994; địa chỉ: **Tổ F, phường L, thành phố Đà Nẵng** do ông **Lê Anh T1**, sinh năm: 1981; địa chỉ: **Thôn L, xã C, tỉnh Quảng Trị** làm người đại diện theo uỷ quyền (theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 05/2/2026).
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 23/01/2026, **Hoàng Thị H** có giấy phép lái xe hạng A1, điều khiển xe mô tô BKS 74B1-102.71 trên **Quốc lộ I**. Khi đến Km 3+500 **Quốc lộ I, thuộc thôn X, xã C**, **H** điều khiển xe từ làn xe cơ giới rẽ phải. Mặc dù có bật tín hiệu chuyển làn nhưng **H** không quan sát đầy đủ phía sau.

Cùng lúc, ông **Lê Văn Đ** điều khiển xe mô tô BKS 74C1-229.04 từ phía sau cùng chiều vượt lên bên phải. Phần chân chống giữa bên trái xe ông **Đ** va chạm với phần bánh trước bên phải xe **H**. Sau va chạm, xe ông **Đ** tiếp tục chạy chéo về phía lề đường hơn 20 mét, va vào viên bê tông và ngã xuống. Ông **Đ** tử vong trên đường đi cấp cứu; xe mô tô BKS 74C1-229.04 bị hư hỏng.

Bản kết luận giám định số 218/2026//KL-KTHS ngày 15 tháng 3 năm 2026 của **Phòng K Công an tỉnh Q** đối với giám định dấu vết cơ học, kết luận:

1. Dấu vết trượt, bám dính chất màu đen (dạng cao su) trên mặt ngoài phần bên trái chân chống giữa của xe mô tô gắn biển số 74C1-229.04 có chiều hướng từ trước ra sau phù hợp với dấu vết trượt, rách cao su hướng từ tâm trục ra ngoài trên má lốp bên phải bánh trước của xe mô tô gắn biển số 74B1-102.71.

2. Không đủ cơ sở kết luận vị trí va chạm đầu tiên giữa xe mô tô gắn biển số 74C1-229.04 và xe mô tô gắn biển số 74B1-102.71 trên hiện trường.

3. Không có cơ sở để kết luận tốc độ của xe mô tô gắn biển số 74C1-229.04 và xe mô tô gắn biển số 74B1-102.71 tại thời điểm xảy ra tai nạn giao thông.

Bản kết luận giám định số 188/KLGĐTT-KTHS ngày 12 tháng 02 năm 2026 của **Phòng K Công an tỉnh Q**, kết luận: Nguyên nhân chết của ông **Lê Văn Đ** là do đa chấn thương.

Bản kết luận giám định số 294/2026/KL-KTHS ngày 12 tháng 02 năm 2026 của **Phòng K Công an tỉnh Q**, kết luận:

Nồng độ cồn (**E**) trong mẫu máu của tử thi **Lê Văn Đ** gửi giám định là 383,05mg/100ml máu.

Bản kết luận giám định số 292/KL-KTHS ngày 20 tháng 4 năm 2026 của **Phòng K Công an tỉnh Q**, kết luận:

1. Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung, hình ảnh của tập tin video gửi đến giám định.

2. Diễn biến vụ việc được thể hiện trong 140 tập tin hình ảnh được trích xuất từ tập tin video gửi đến giám định.

3. Vận tốc trung bình của xe giống xe mô tô trong tập tin video gửi đến giám định đi từ vị trí số 01 đến vị trí số 02 (vị trí được đánh số trong sơ đồ hiện trường) tương ứng với thời gian hiển thị trên video từ 16:41:56 ngày 23/01/2026 đến 16:41:57 ngày 23/01/2026 là = 73,8 km/h.

Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 19/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Quảng Trị, kết luận: Xe mô tô BKS 74C1- 229.04 tại thời điểm ngày 23/01/2026 là 2.050.000 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Nồng độ cồn trong hơi thở của **Hoàng Thị H** tại thời điểm kiểm tra ngày 23/01/2026 là 0,00 mg/L khí thở và kết quả test nhanh chất ma túy của **Hoàng Thị H** ngày 23/01/2026: Âm tính.

Vật chứng, tài liệu tạm giữ: 01 xe mô tô biển kiểm soát 74B1-102.71, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 74B1-102.71 và 01 giấy phép lái xe hạng A1 của bị can **Hoàng Thị H**; 01 xe mô tô BKS 74C1-229.04, đã qua sử dụng; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy BKS 74C1-229.04; 01 giấy phép lái xe hạng A1 của ông **Lê Văn Đ**. Hiện các vật chứng trên đã trả lại cho chủ sở hữu. Riêng Giấy phép lái xe của **Hoàng Thị H** chuyển theo hồ sơ vụ án.

Sau khi tai nạn xảy ra bị cáo đã đầu thú khai rõ hành vi tham gia giao thông của mình, tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại 100.000.000 đồng. Phía gia đình bị hại đã nhận tiền, không yêu cầu bồi thường thêm và có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Cáo trạng số 47/CT-VKSQTI-KV8 ngày 17/8/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị truy tố **Hoàng Thị H** về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Về tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Hoàng Thị H** từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý tài liệu, đồ vật, vật chứng: đề nghị trả lại giấy phép lái xe cho bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, nói lời sau cùng bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

Người đại diện của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa; họ đã có lời khai, tài liệu thể hiện ý kiến trong hồ sơ, phần dân sự đã được giải quyết và không có yêu cầu gì thêm. Xét sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với sơ đồ, biên bản hiện trường, kết luận giám định, dữ liệu video và các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Có đủ căn cứ xác định **Hoàng Thị H** khi chuyển hướng đã không chú ý quan sát phương tiện phía sau, vi phạm khoản 2 Điều 13 Luật Trật tự, an toàn giao

thông đường bộ, dẫn đến va chạm với xe do ông **Lê Văn Đ** điều khiển, hậu quả ông **Đ** tử vong. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, thuộc trường hợp “Làm chết người” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất vụ án, mức độ hành vi, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp sức khỏe, tính mạng, tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến trật tự, trị an của địa phương, gây tâm lý lo lắng, thiếu an tâm cho nhân dân khi tham gia giao thông. Vì vậy, cần phải xử lý thỏa đáng, tương xứng với hành vi của bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội không có tình tiết tăng nặng; trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi xảy ra sự việc, bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả cho phía gia đình bị hại, bị cáo đã chủ động thỏa thuận với gia đình bị hại bồi thường tổng số tiền 100.000.000 đồng. Bị cáo đầu thú, Đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần xem xét cho bị cáo khi lượng hình.

[3] Về hành vi tham gia giao thông của bị hại: Kết quả giám định xác định trong máu của ông **Đ** có nồng độ cồn 383,05 mg/100 ml máu; dữ liệu camera xác định xe mô tô do ông **Đ** điều khiển có vận tốc trung bình 73,8 km/h, trong khi tốc độ tối đa cho phép đối với xe mô tô tại đoạn đường này là 60 km/h; ông **Đ** không giảm tốc độ khi đi qua khu vực có biển cảnh báo nguy hiểm và nơi đường bộ giao nhau cùng mức đã vi phạm khoản 2 Điều 9, khoản 1, điểm b, điểm d khoản 3 Điều 12 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 38/2024/TT-BGTVT. Vì vậy, có căn cứ xác định bị hại có phần lỗi trong vụ tai nạn.

[4] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo gây hậu quả làm ông **Lê Văn Đ** tử vong, cần xử lý nghiêm. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội do vô ý, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên áp dụng Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự để ấn định hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo như ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ sức răn đe, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại 100.000.000 đồng; những người có quyền yêu cầu không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: Các phương tiện và giấy tờ đã được Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp là phù hợp. Đối với 01 Giấy phép lái

xe hạng A1 số 451124001424 mang tên **Hoàng Thị H** hiện có trong hồ sơ vụ án, xét không cần tiếp tục tạm giữ nên trả lại cho bị cáo.

[7] Về biện pháp ngăn chặn: Do bị cáo bị xử phạt tù nhưng được hưởng án treo nên căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đang áp dụng đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106, các Điều 125, 292, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: bị cáo **Hoàng Thị H** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Hoàng Thị H** 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/9/2026.

Giao bị cáo **Hoàng Thị H** cho Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; nếu thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về biện pháp ngăn chặn: Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 78/2026/LCCT-TA-HS ngày 18/8/2026 đối với bị cáo **Hoàng Thị H**.

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo **Hoàng Thị H** 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 số 451124001424, cấp ngày 29/9/2016, mang tên **Hoàng Thị H**, hiện đang có trong hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Buộc bị cáo **Hoàng Thị H** chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND KV8 - Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- Phòng THADS KV8 - Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Cửa Việt;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(đã ký)****Nguyễn Ngọc Vĩnh**